

Ngày 30/09/2025	34,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.3%	25.6%	36.0%

	Q3/25	
ROE	14.9%	+/- YoY ▲ 0.8%

	Q3/25		
DT thuần	932	QoQ	YoY
		▲ 51.0	▲ 36.0
		▲ 5.8%	▲ 4.0%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	2,639	YoY
		▼ 84.0
		▼ 3.1%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	146	QoQ	YoY
		▲ 12.0	▲ 32.0
		▲ 9.2%	▲ 28.4%
	tỷ VNĐ		

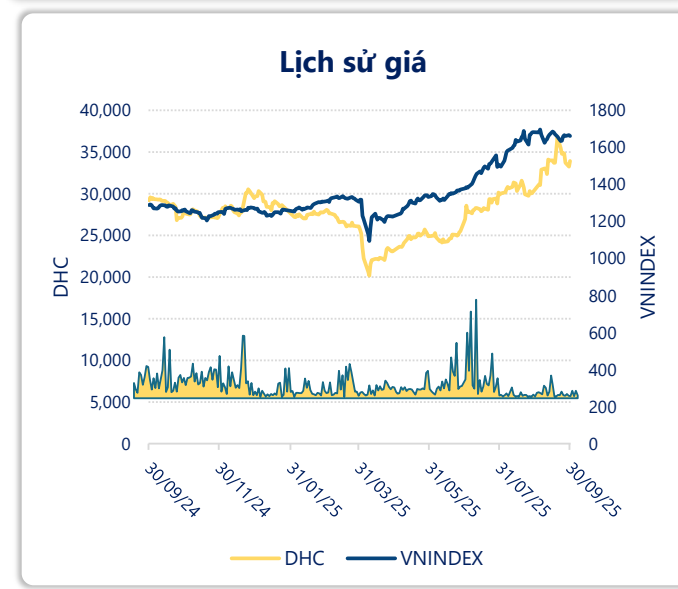
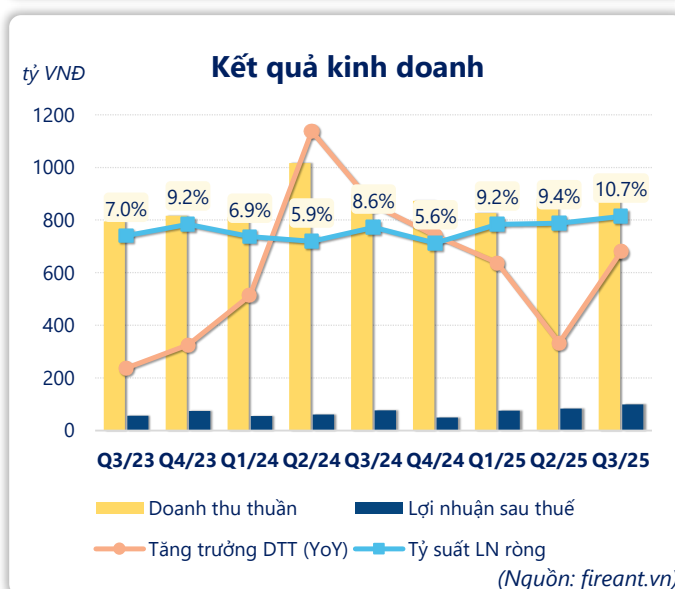
	9T 2025	
LN gộp	396	YoY
		▲ 68.0
		▲ 20.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	114	QoQ	YoY
		▲ 19.4	▲ 28.2
		▲ 20.6%	▲ 32.9%
	tỷ VNĐ		

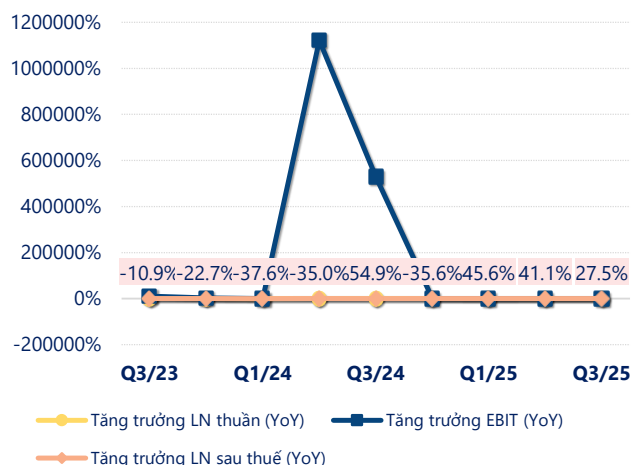
	9T 2025	
LN thuần	294	YoY
		▲ 78.0
		▲ 36.1%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	99.6	QoQ	YoY
		▲ 16.6	▲ 22.6
		▲ 20.0%	▲ 29.4%
	tỷ VNĐ		

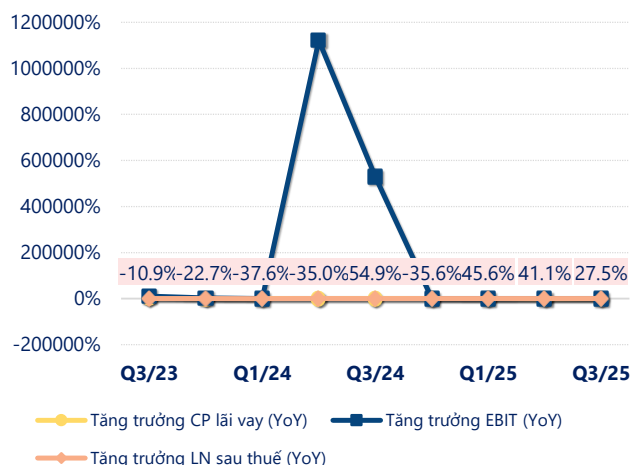
	9T 2025	
LN sau thuế	258	YoY
		▲ 65.0
		▲ 33.7%
	tỷ VNĐ	



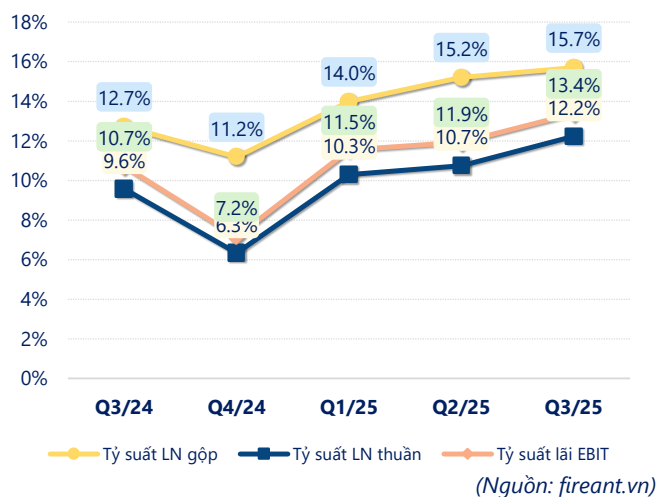
Tăng trưởng lợi nhuận



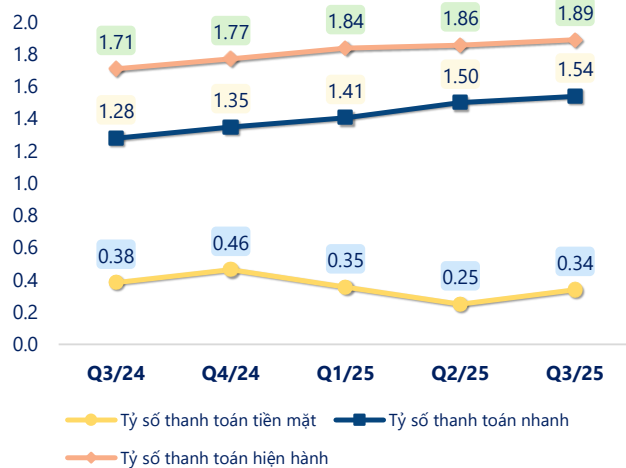
Tăng trưởng chi phí



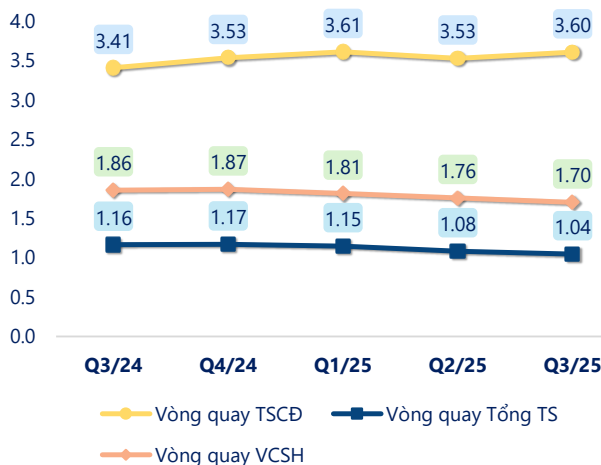
Tỷ suất lợi nhuận



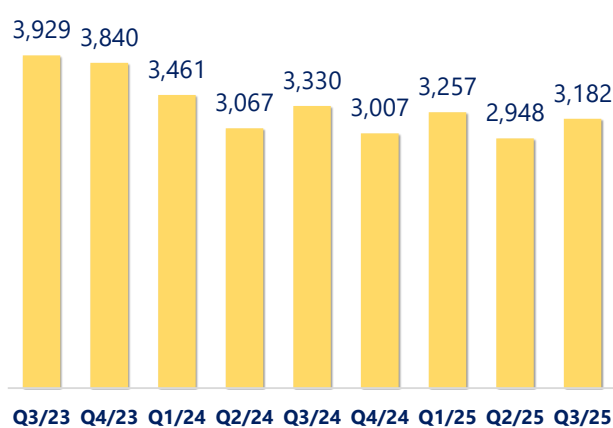
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	932	896	4.0%	2,639	2,723	-3.1%
Giá vốn hàng bán	786	782	0.5%	2,243	2,395	-6.3%
Lợi nhuận gộp	146	114	28.4%	396	328	20.6%
Doanh thu HĐTC	17.4	15.8	10.4%	47.3	24.8	91.1%
Chi phí TC	9.45	6.33	49.2%	29.9	25.5	17.2%
Chi phí lãi vay	8.91	6.27	42.1%	24.8	16.5	50.5%
LN trong công ty LKLD	0.62	0.06	938%	0.47	1.52	-69.0%
Chi phí bán hàng	31.2	28.4	9.7%	90.8	84.7	7.3%
Chi phí QLDN	9.76	9.44	3.4%	29.2	28.6	2.1%
LN thuần từ HĐKD	114	85.8	32.9%	294	216	36.1%
Lợi nhuận khác	1.83	3.96	-53.8%	6.70	7.30	-8.2%
LN trước thuế	116	89.8	29.0%	300	223	34.7%
Lợi nhuận sau thuế	99.6	77.0	29.4%	258	193	33.7%
LNST của CĐ cty mẹ	99.6	77.0	29.4%	258	193	33.8%

(Nguồn: fireant.vn)

